TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Đức

Ông Đào Trọng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-9-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01-10-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị DTBT; địa chỉ: Số 35/82 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh TVS; đia chỉ: Số 35/82 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08-01-2019 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị DTBT trình bày:

Chị DTBT và anh TVS xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ ngày 23-11-1990 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, không thông cảm được với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát. Chị DTBT đã về bên ngoại ở nhiều lần. Vì

muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nên chị DTBT vẫn quay về sống cùng anh TVS. Nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, nên chị DTBT đã sống ly thân với anh TVS từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Vì cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị DTBT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn anh TVS.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 08-11-1990 (đã quá 18 tuổi). Cháu đã thành niên và có gia đình riêng, nên chị DTBT không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị DTBT đề nghị tự thỏa thuận phân chia tài sản với anh TVS và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi cần thiết về việc phân chia tài sản chung, chị DTBT sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại đơn trình bày, bị đơn là anh TVS trình bày như sau: Anh TVS và chị DTBT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng từ năm 2018, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, nên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Anh TVS đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ và mong muốn được đoàn tụ, nhưng chị DTBT không đồng ý. Vì vậy, chị DTBT đề nghị ly hôn với anh TVS, anh TVS không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ với chị DTBT, đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh TVS không có ý kiến về con chung và tài sản chung.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng tại phiên họp, bị đơn đều vắng mặt, không lý do. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, anh TVS được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị DTBT và anh TVS xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị DTBT và anh TVS đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, chị DTBT và anh TVS đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị DTBT đề nghị ly hôn với anh TVS. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị DTBT được ly hôn với anh TVS là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 08-11-1990. Xét thấy, con chung đã thành niên và có gia đình riêng, nên chị DTBT không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tường trình, bị đơn không có ý kiến về con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn đề nghị tự thỏa thuận phân chia tài sản với bị đơn và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi cần thiết về việc phân chia tài sản chung, nguyên đơn sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Bị đơn không có ý kiến về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị DTBT và anh TVS được ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 08-11-1990 đã thành niên và có gia đình riêng, nên không xem xét giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị DTBT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008269, ngày 27-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị DTBT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường B,
  C, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền